BÀI TẬP THỰC HÀNH TUẦN 5

- Thực hành các bài tập sau theo phương pháp hướng đối tượng. Ngôn ngữ C++
- ➤ Bài làm trên một Solution đặt tên là "MSSV". Project đặt tên là "Tuan05"
- > Sau khi làm bài xong nén lại thành một file .rar duy nhất đặt tên <MSSV>.rar sau đó nôp lên moodle.
- Các bài đặt tên sai quy định và sinh viên chép bài nhau đều bị 0 điểm.

Cài đặt lớp CMessage (Tin nhắn) viết chương trình theo các yêu cầu sau:

- Attributes (Các thuộc tính)
 - o m_Number (số điện thoại nhắn tin, chiều dài ít nhất là 9 số)
 - o m_Vote (Mã số bình chọn)
 - o m_Date (Ngày bình chọn, kiểu CMyDate)
 - o m_Time(Giờ bình chọn, kiểu CMyTime)
- Methods (Các phương thức cài đăt)

Tên phương thức và kiểu trả về	Ghi chú
Input (): void	Phương thức nhập vào một tin nhắn từ tập tin.
Output(): void	Phương thức xuất ra một tập tin.

Cài đặt lớp **CListMessage** (Danh sách tin nhắn) viết chương trình theo các yêu cầu sau:

- Attributes (Các thuộc tính)
 - o m_Message (Mång các tin nhắn, kiểu dữ liệu CMessage)
 - o m_Amount (Số lượng tin nhắn)
- Methods (Các phương thức cài đặt)

Tên phương thức và kiểu trả về	Ghi chú
Input(): void	Phương thức nhập vào nhiều tin nhắn vào mảng.
Output(): void	Phương thức xuất ra danh sách các tin nhắn.
FindCode(): int	Tìm mã số được nhiều người bình chọn nhất.
FindPhone(): string	Tìm số điện thoại nhắn tin nhiều nhất.
FindDay(): CDate	Tìm ngày có nhiều người nhắn tin nhất.
FindTime(): CTime	Tìm thời điểm có nhiều người bình chọn nhất.
Top10(): void	Liệt kê Top 10 mã số được bình chọn nhiều nhất.

- Dòng đầu tiên: số lượng tin nhắn.
- Các dòng tiếp theo chứa lần lượt các tin nhắn bình chọn kiểu CMessage.



- o Dòng đầu tiên số điện thoại người nhắn.
- o Dòng thứ hai mã số bình chọn.
- o Dòng thứ ba ngày nhắn tin.
- o Dòng thứ tư giờ nhắn tin.
- Mẫu OUTPUT của phương thức FindCode()

INPUT.TXT	OUTPUT.TXT
3	7
0907111111	
7	
10/03/2015	
18:20:26	
0907222222	
1	
10/03/2015	
19:20:45	
0907333333	
7	
10/03/2015	
13:24:16	



